

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/12/2024

V/v xác định cha con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Phạm Thị Em**

2- Ông **Trần Văn Tiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Đình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Phan Thanh Việt** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 457/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “*xác định cha cho con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99 /2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Hữu T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà **Đỗ Thị P**, sinh năm 1978; Địa chỉ: F, Đường Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* bà **Huỳnh Thị Ngọc P1**, sinh năm 1987;

Địa chỉ thường trú: D5/119, ấp D, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: D, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn có yêu giải quyết vụ án vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn trình bày yêu cầu như sau:

Vào đầu năm 2020, anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Ngọc P1 quen biết nhau. Sau một thời gian ngắn quen nhau, Huỳnh Thị Ngọc P1 nói với anh T là chị P1 đã có gia đình, đã kết hôn với anh Huỳnh văn L nhưng sống không hợp nhau nên P1 và anh L đã ly thân và không còn chung sống cùng nhau từ năm 2019.

Do thường xuyên gặp nhau nên anh T và chị P1 nảy sinh tình cảm, nhiều lần anh T và P1 quan hệ nam nữ với nhau và dẫn đến việc chị P1 có thai. Ngày 14/12/2020, chị P1 sinh con là một cháu gái và dự định đặt tên con là Trần Huỳnh Phương V. Cháu V hiện chưa được làm thủ tục khai sinh vì cháu sinh ra trong thời gian anh L và chị P1 chưa ly hôn. Nếu làm thủ tục khai sinh cho cháu V thì phải lấy họ của anh L nên anh T không đồng ý vì cháu V là con của anh T.

Tháng 9/2023, chị Huỳnh Thị Ngọc P1 đã có đơn xin ly hôn anh Huỳnh Văn L tại Toà án nhân dân huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Quyết định số 854 /2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh đã quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn của Huỳnh Thị Ngọc P1 và anh Huỳnh văn L. Trong quyết định này chị P1 và anh L cũng đã xác định và thống nhất hai người chỉ có hai con chung là Huỳnh Bảo N sinh ngày 10/11/2009 và Huỳnh Duy K sinh ngày 31/3/2012, không có cháu Trần Huỳnh Phương V.

Tháng 7/2024, anh T và Huỳnh Thị Ngọc P1 đã đi đăng ký kết hôn và ngày 09/7/2024 đã được UBND xã tân Thạch huyện C -Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hiện anh T và chị P1 đang sống cùng với nhau tại ấp P xã A huyện C tỉnh Bến Tre và đang nuôi cháu Trần Huỳnh Phương V.

Ngày 05/8/2024, anh T có đã đưa cháu Trần Huỳnh Phương V đi giám định gen (ADN) tại Trung tâm C địa chỉ tại : A, Đ phường Đ, quận A Thành phố Hồ chí Minh

Căn cứ vào Phiếu kết quả phân tích ADN, Hội đồng khoa học Trung tâm C ngày 07/8/2024 kết luận: Trần Hữu T và cháu Trần Huỳnh Phương V có cùng huyết thống Cha con với độ tin cậy > 99,9999%.

Nay anh Trần Hữu T yêu cầu Toà án xác định và tuyên: cháu Trần Huỳnh

Phương V (tên dự kiến đặt) do chị Huỳnh Thị Ngọc P1 sinh được cấp Giấy chứng sinh số 45, quyền số 84/2020 do Bệnh viện P2 cấp ngày 14/12/2020 là con đẻ của anh Trần Hữu T.

Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết về việc nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung, hiện nay anh T và Huỳnh Thị Ngọc P1 là người trực tiếp nuôi cháu Trần Huỳnh Phương V.

Về Chi phí giám định ADN, anh T đã tự nguyện nộp, đã thanh toán xong nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc P1 có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị, có ý kiến trình bày như sau:

Tôi là vợ của anh Trần Hữu T, có đăng ký kết hôn với anh Trần Hữu T và đã được UBND xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/7/2024.

Tôi xin xác nhận nội dung của anh Trần Hữu T ghi trong đơn khởi kiện ngày 07/8/2024 là đúng. Về việc anh Trần Hữu T yêu cầu Toà án xác định cháu Trần Huỳnh Phương V là con ruột của anh Trần Hữu T đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nay do phải đi làm kiếm sống, tôi không thể nhiều lần đến Toà án theo giấy triệu tập của Toà, nay tôi làm văn bản này xin trình bày ý kiến và yêu cầu Toà án giải quyết vụ kiện, đơn khởi kiện của anh Trần Hữu T vắng mặt tôi.

Tôi đồng ý Toà án giải quyết vụ kiện vắng mặt tôi và cam kết không khiếu nại về việc Toà án tiến hành tố tụng giải quyết vụ kiện vắng mặt tôi.

Hiện nay tôi và anh T đang nuôi cháu Trần Huỳnh Phương V, Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết về việc nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Văn L có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh, có ý kiến trình bày như sau:

Tôi và Huỳnh Thị Ngọc P1 chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn, đến ngày 15/9/2006 được UBND xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Do vợ chồng sống không hợp nhau nên tôi và Huỳnh Thị Ngọc P1 đã ly thân từ cuối năm 2019. Trong năm 2020, Huỳnh Thị Ngọc P1 đã sống chung với anh Trần Hữu T sinh năm 1991, nơi đăng ký thường trú: 217, ấp T, xã T, huyện C tỉnh Bến Tre. Sau đó Huỳnh Thị Ngọc P1 có sinh một cháu gái.

Tháng 9/2023, tôi và Huỳnh Thị Ngọc P1 đã có đơn ly hôn tại Toà án nhân dân

huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Quyết định số 854 /2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh đã quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn của tôi và Huỳnh Thị Ngọc P1 Trong quá trình ly hôn, tôi và Huỳnh Thị Ngọc P1 xác định, tôi và P1 chỉ có hai con chung là Huỳnh Bảo N sinh ngày 10/11/2009 và Huỳnh Duy K sinh ngày 31/3/2012, không có cháu Trần Huỳnh Phương V.

Nay tôi được biết Huỳnh Thị Ngọc P1 đã đăng ký kết hôn với anh Trần Hữu T vào tháng 7/2024.

Tôi xác định cháu Huỳnh Trần Phương V1 do Huỳnh Thị Ngọc P1 sinh vào ngày 14/12/2020 không phải là con tôi vì thời gian năm 2020 chúng tôi đã ly thân không còn chung sống với nhau.

Đối với Đơn khởi kiện tranh chấp của anh Trần Hữu T có yêu cầu Toà án xác định cháu Trần Huỳnh Phương V là con ruột của anh Trần Hữu T, tôi đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với kết quả giám định ADN của Hội đồng khoa học Trung tâm C ngày 07/8/2024 đã kết luận: anh Trần Hữu T và cháu Trần Huỳnh Phương V có cùng huyết thống Cha con với độ tin cậy > 99,9999%., tôi không có ý kiến vì đây là kết luận của Cơ quan chuyên môn, đề nghị Toà án xem xét.

Nay do ở xa, tôi không thể nhiều lần đến Toà án nhân dân huyện Châu thành tỉnh Bến Tre theo giấy triệu tập của Toà, nay tôi làm văn bản này xin trình bày ý kiến và yêu cầu Toà án giải quyết vụ kiện, đơn khởi kiện của anh Trần Hữu T vắng mặt tôi.

Tôi đồng ý Toà án giải quyết vụ kiện vắng mặt tôi và cam kết không khiếu nại về việc Toà án tiến hành tố tụng giải quyết vụ kiện vắng mặt tôi. Tôi không có yêu cầu Toà án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng khoản 4 Điều 28 BLTTDS; Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101 và Điều 102 Luật HNGĐ

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hữu T. Xác định anh Trần Hữu T là cha đẻ của cháu Trần Huỳnh Phương V, sinh ngày 14/12/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Xác định cha cho con” theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị P1- bị đơn, có nơi cư trú tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[1.3] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: các đương sự trong vụ án (gồm anh T, chị P1 và anh L) đều có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị P1 và anh T trình bày anh chị có quan hệ tình cảm và có 01 con chung do chị P1 sinh ngày 14/12/2020 theo giấy chứng sinh số 45, quyền số 84/2020 do Bệnh viện P2 cấp. Cháu Trần Huỳnh Phương V (tên dự kiến khai sinh) do chị P1 sinh ngày 14/12/2020 là sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị P1 và anh Huỳnh Văn L. Nếu xem xét theo định của Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu V sẽ là con chung của chị P1 và anh L. Tuy nhiên, chị P1 và anh T đều không thừa nhận cháu V là con của anh L mà cho rằng cháu V là con của anh T. Bản thân anh Huỳnh Văn L cũng đã xác nhận cháu V được sinh ra trong thời gian anh và chị P1 ly thân, cháu V không phải là con của anh và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện tại chị P1 và anh L đã ly hôn; chị P1 cũng đã đăng ký kết hôn với anh T theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, Tại kết quả xét nghiệm AND ngày 07/8/2024 của Trung tâm C kết luận “ Mẫu AND ký hiệu Trần Hữu T và mẫu AND ký hiệu Trần Huỳnh Phương V có quan hệ huyết thống Cha –Con tần suất 99.99999807610479%”.

Nay cả anh T và chị P1 đều yêu cầu Tòa án xác định anh Trần Hữu T là cha của con do chị P1 sinh ra ngày 14/12/2020 (theo giấy chứng sinh số 45, quyền số

84/2020 do Bệnh viện P2 cấp) có tên gọi dự kiến đặt là Trần Huỳnh Phương V là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng anh T phải nộp.

[4] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự

Căn cứ Điều 88,91,101, và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Xác định anh Trần Hữu T là cha của cháu Trần Huỳnh Phương V (tên dự kiến đặt) do chị Huỳnh Thị Ngọc P1 sinh ngày 14/12/2020 được Bệnh viện P2 cấp Giấy chứng sinh số 45, quyển số 84/2020 ngày 14/12/2020 .

2. Về án phí: Anh Trần Hữu T phải nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003109 ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã An Khánh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết

